**KIỂM TRA CUỐI KÌ II TOÁN 7**

**A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II – TOÁN 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| 1 | **CÁC ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ** (15 tiết) | Tỉ lệ thức  Tính chất của dãy tỉ số bằng nhau |  | 1  (TL13a)  0,5 |  |  |  |  |  |  | 10 |
| Đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch. |  |  |  |  |  | 1  (TL13b)  0,5 |  |  |
| 2 | **BIỂU THỨC ĐẠI SỐ**  (15 tiết) | Biểu thức đại số | 1  (TN1)  0,25 |  |  |  |  |  |  |  | 30 |
| Đa thức một biến  Phép cộng, trừ, nhân , chia đa thức một biến | 3  (TN2,3,4)  0,75 |  | 1  (TN5)  0,25 |  | 1  (TN6)  0,25 | 2  (TL14a,b)  1,5 |  |  |
| 3 | **MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT**  (7 tiết) | Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác xuất của biến cố ngẫu nhiên | 2  (TN11,12)  0,5 | 1  (TL15)  1,0 |  |  |  |  |  |  | 15 |
| 4 | **TAM GIÁC**  (27 tiết) | Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. | 4  (TN7,8,9,10)  1,0 |  |  | 1  (TL16a)  0,75 |  |  |  |  | 45 |
| Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác. |  |  |  | 2  (TL16b)  (TL17)  1,75 |  |  |  | 1  (TL18)  1,0 |
| Tổng: Số câu  Số điểm | | | 10  2,5 | 2  1,5 | 1  0,25 | 3  2,5 | 1  0,25 | 3  2,0 |  | 1  1,0 | 21  10 |
| Tỉ lệ % | | | 40% | | 27,5 % | | 22,5% | | 10% | | 100% |
| Tỉ lệ chung | | | 67,5 % | | | | 32,5% | | | | 100% |

**B. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II – TOÁN 7**

**Xem thêm tại Website VnTeach.Com https://www.vnteach.com**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương / Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** | **Số câu theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **ĐẠI SỐ** | | | | | | | |
| 1 | **CHƯƠNG 6:**  **CÁC ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ** | *Tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau* | **Nhận biết:**  - Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức.  - Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau. | **1**  **(TL13a)** |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán.  - Vận dụng được tính chất của dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán (ví dụ: chia một số thành các phần tỉ lệ với các số cho trước,...). |  |  | **1**  **(TL13b)** |  |
| *Giải toán về đại lượng tỉ lệ* | **Vận dụng:**  - Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận (ví dụ: bài toán về tổng sản phẩm thu được và năng suất lao động,...).  - Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch (ví dụ: bài toán về thời gian hoàn thành kế hoạch và năng suất lao động,...). |  |  |  |  |
| **2** | **CHƯƠNG 7:**  **BIỂU THỨC ĐẠI SỐ** | *Biểu thức đại số* | **Nhận biết:**  - Nhận biết được biểu thức số.  - Nhận biết được biểu thức đại số. | **1**  **(TN1)** |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Tính được giá trị của một biểu thức đại số. |  |  |  |  |
| *Đa thức một biến* | **Nhận biết:**  - Nhận biết được định nghĩa đa thức một biến.  - Nhận biết được cách biểu diễn đa thức một biến.  - Nhận biết được khái niệm nghiệm của đa thức một biến. | **3**  **(TN2)**  **(TN3)**  **(TN4)** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Xác định được bậc của đa thức một biến. |  | **1**  **(TN5)** |  |  |
| **Vận dụng:**  - Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của biến.  - Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia trong tập hợp các đa thức một biến; vận dụng được những tính chất của các phép tính đó trong tính toán. |  |  | **3**  **(TN6)**  **(TL14a)**  **(TL14b)** |  |
| **THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT** | | | | | | | |
| 3 | **CHƯƠNG 9:**  **MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT** | *Làm quen với biến cố ngẫu nhiên. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản* | **Nhận biết:**  -Làm quen vớicác khái niệm mở đầu về biến cố ngẫu nhiên và xác suấtcủa biến cố ngẫu nhiên trong các ví dụ đơn giản. | **1**  **(TN11)** |  |  |  |
| - Nhận biết được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản (ví dụ: lấy bóng trong túi, tung xúc xắc,...). | **2**  **(TN12) (TL15)** |  |  |  |
| **HÌNH HỌC** | | | | | | | |
| **4** | **CHƯƠNG 8:**  **TAM GIÁC** | *Tam giác. Tam giác bằng nhau. Tam giác cân. Quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên. Các đường đồng quy của tam giác* | **Nhận biết:**  - Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong một tam giác.  - Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằng nhau.  - Nhận biết được khái niệm: đường vuông góc và đường xiên; khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng.  - Nhận biết được đường trung trực của một đoạn thẳng và tính chất cơ bản của đường trung trực.  - Nhận biết được: các đường đặc biệt trong tam giác (đường trung tuyến, đường cao, đường phân giác, đường trung trực); sự đồng quy của các đường đặc biệt đó | **4**  **(TN7)**  **(TN8)**  **(TN9)**  **(TN10)** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tam giác bằng 180o.  - Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đường xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối trong tam giác (đối diện với góc lớn hơn là cạnh lớn hơn và ngược lại).  - Giải thích được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác, của hai tam giác vuông.  - Mô tả được tam giác cân và giải thích được tính chất của tam giác cân (ví dụ: hai cạnh bên bằng nhau; hai góc đáy bằng nhau). |  | **3**  **(TL16a)**  **(TL16b)**  **(TL17)** |  |  |
| **Vận dụng:**  - Diễn đạt được lập luận và chứng minh hình học trong những trường hợp đơn giản (ví dụ: lập luận và chứng minh được các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau từ các điều kiện ban đầu liên quan đến tam giác,...).  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học. |  |  |  |  |
| *Giải bài toán có nội dung hình học và vận dụng giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến hình học* | **Vận dụng cao:**  - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** liên quan đến ứng dụng của hình học như: đo, vẽ, tạo dựng các hình đã học. |  |  |  | **1**  **(TL18)** |
| **Tổng** | | | | **40** | **27,5** | **22,5** | **10** |

**C. ĐỀ KIỂM TRA MINH HỌA**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3,0đ) Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng**

**Câu 1: [NB-TN1]** Trong các biểu thức sau, biểu thức số là:

A. . B. 2x2 – 3x + 1. C. 7 – 8.3 + 4. D. 2xyz.

**Câu 2: [NB-TN2]** Tổng của những đơn thức của cùng một biến là:

A. Biểu thức số. B. Biểu thức đại số.

C. Đơn thức một biến. D. Đa thức một biến.

**Câu 3:** **[NB-TN3]** Trong các biểu thức đại số sau, đa thức một biến là:

A. 56x2y. B. . C. 2 + 3x. D. 2x + 3y.

**Câu 4:** **[NB-TN4]** x = a là một nghiệm của đa thức P(x) khi P(a) có giá trị bằng

A. 0. B. 1. C. 2. D. 3.

**Câu 5:** **[TH-TN5]** Đa thức một biến A(x) = 2x4 + 5x2 – 7 có bậc là:

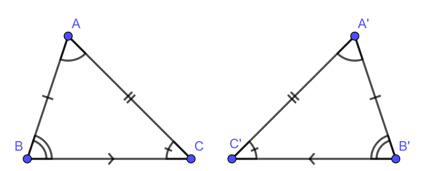
A. 2. B. 4. C. 6. D. 7.

**Câu 6:** **[VD-TN6]** Giá trị của biểu thức x2 + 1 tại x = 3 là:

A. 10. B. 7. C. 4. D. 9.

**Câu 7:** **[NB-TN7]** Bộ ba đoạn thẳng nào là ba cạnh của một tam giác?

A. 1cm, 2cm, 3cm. B. 1cm, 2cm, 4cm. C. 2cm, 6cm, 4cm. D. 5cm, 4cm, 3cm.

**Câu 8:** **[NB-TN8]** Cho Hình 1, kí hiệu hai tam giác bằng nhau là:

A.  B. 

C.  D. 

Hình 1

**Câu 9: [NB-TN9]** Cho Hình 2, Hình chiếu của đường xiên AC là:

A. HB. B. HC.

C. BC. D. AH.

Hình 2

**Câu 10:** **[NB-TN10]** Cho ABC có trung tuyến AM, G là trọng tâm của ABC. Kết luận đúng là:

A.  B.  C.  D. 

**Câu 11:** **[NB-TN11]** Trong các biến cố sau, biến cố nào là chắc chắn?

A. Ngày mai tôi đi học.

B. Bảo Lộc là một thành phố của tỉnh Lâm Đồng.

C. Năm học này bạn An sẽ được học sinh giỏi.

D. Ngày mai trời sẽ mưa.

**Câu 12:** **[NB-TN12]** Trong túi có 20 quả bóng cùng kích cỡ gồm 4 quả bóng màu đỏ và 16 quả bóng màu vàng. Xác suất lấy trong túi ra quả bóng màu xanh là:

A. 1. B. . C. . D. 0.

**II. TỰ LUẬN (7,0đ)**

**Câu 13: (1,0đ) a) [NB- TL13a]** Tìm *x* trong tỉ lệ thức 

**b) [VD-TL13b]** Tính số cây trồng của lớp 7A, 7B biết rằng số cây trồng của lớp 7B ít hơn lớp 7A là 10 cây và số cây trồng của hai lớp lần lượt tỉ lệ với 5;4.

**Câu 14:** (**1,5đ**) Cho ba đa thức:

A(x) = 4x2 – 2x + 5

B(x) = x2 + 5x – 2

C(x) = x + 3

**a)** **[VD-TL14a]** Tính A(x) + B(x)

**b) [VD-TL14b]** Tính A(x).C(x)

**Câu 15: (1,0đ) [NB-TL15]** Một hộp có 1 bi xanh và 6 bi đỏ, chọn ngẫu nhiên một viên bi. Hãy tính xác suất của biến cố viên bi được chọn là viên màu đỏ.

**Câu 16: (1,75đ)** Cho tam giác ABC vuông tại A, có 

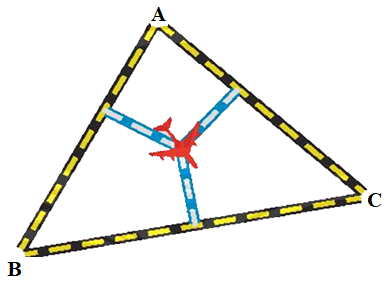
**a) [TH-TL16a]:** Tính số đo góc C.

**b) [TH-TL16b]:** Trên đường trung tuyến AM lấy điểm N sao cho NM = AM. Chứng minh rằng: AB = NC.

**Câu 17:** **(0,75đ)** **[TH-TL17]** Cho tam giác MNP có MN < MP, kẻ đường cao MD. Trên MP lấy H sao cho MH = MD.

Chứng minh: Tam giác MDH cân.

**Câu 18: (1,0đ) [VDC-TL18]** Ba thành phố A, B, C được nối với nhau bởi ba xa lộ. Người ta muốn tìm một địa điểm để làm một sân bay sao cho địa điểm này phải cách đều ba xa lộ đó (Như Hình 3). Hãy xác định vị trí của sân bay thảo mãn điều kiện trên và giải thích cách thực hiện.

****

Hình 3

**D. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

**I. Trắc nghiệm khách quan (3,0đ)**

**-** Mỗi câu trắc nghiệm trả lời đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | C | D | C | A | B | A | D | A | B | A | B | D |

**II. Tự luận (7,0đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 13** |  | 0,25  0,25 |
| b) Lớp 7A là 50 cây  Lớp 7B là 40 cây | 0,25  0,25 |
| **Câu 14** | 1. a) A(x) + B(x) = (4x2 – 2x + 5) + (x2 + 5x – 2) 2. = 4x2 + x2 – 2x + 5x + 5 – 2 3. = 5x2 + 3x + 3 | 0,25  0,25  0,25 |
| b) A(x).C(x) = (4x2 – 2x + 5).(x + 3)  = 4x3 + 12x2 – 2x2 – 6x + 5x + 15  = 4x3 + 10x2 – x + 15 | 0,5  0,25 |
| **Câu 15** | Tổng số viên bi là 1 + 6 = 7 (bi)  Xác suất của biến cố viên bi được chọn màu đỏ là 6/7 | 0,5  0,5 |
| **Câu 16** | - Vẽ hình đúng  a) Tính đúng góc | 0,25  0,5 |
| b) Xét tam giác  và có:  AM = MN (gt)  (đđ)  MB = MC (AM là trung tuyến)  suy ra  =  (c.g.c)   * AB = CN | 0,5  0,25  0,25 |
| **Câu 17** | - Vẽ hình đúng  - Chứng minh: Tam giác MDH cân. | 0,25  0,5 |
| **Câu 18** | - Theo như hình vẽ, ba xa lộ sẽ ứng với ba cạnh AB, AC, CB của tam giác ABC.  Gọi vị trí của sân bay là điểm I.  - Theo đề bài sân bay cách đều ba xa lộ nên điểm I cách đều ba cạnh AB, AC, BC.  - Suy ra I là giao ba đường phân giác của tam giác ABC.  - Vậy vị trí sân bay cần tìm là vị trí điểm I, thỏa mãn là giao của ba đường phân giác trong tam giác ABC. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |

|  |
| --- |
| SẢN PHẨM CỦA CỘNG ĐÔNG GV TOÁN VN  LIỆN HỆ: 0386536670  GROUP FB: <https://www.facebook.com/groups/316695390526053/> |
| |  |  | | --- | --- | |  |  | |
| CHỈ CHIA SẺ VÀ HỖ TRỢ THẦY CÔ TRÊN FB NHƯ TRÊN , ZALO DUY NHẤT.  Mọi hành vi kêu gọi mua bản quyền, mua chung, góp quỹ vào các group zalo đều là lừa đảo và chia sẻ trái phép sản phẩm của nhóm. |
| Có thể là hình ảnh về văn bản cho biết 'CỘNG ĐỒNG GIÁO VIÊN TOÁN THES VIỆTN TNA' |